

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**NGÀNH/NGHỀ: QUẢN LÝ VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
LOGISTICS**

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6340439

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG (hệ tốt nghiệp THPT)

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Quản lý vận tải và dịch vụ logistics

Mã ngành, nghề: 6340439

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 3,0 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Ngành Quản lý vận tải và dịch vụ logistics trình độ cao đẳng là ngành, nghề kiểm soát luồng di chuyển của hàng hóa, năng lượng, thông tin và những nguồn lực khác như sản phẩm, dịch vụ và con người, từ cung ứng các yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất cho tới phân phối các sản phẩm đầu ra. Quản lý vận tải và dịch vụ logistics là một ngành rộng, liên quan đến việc lên kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát một chuỗi những hoạt động từ nơi sản xuất, cung cấp đến tay người tiêu dùng bao gồm: đóng gói, bao bì, xếp dỡ, lưu kho lưu bãi, bảo quản hàng hóa, vận chuyển, giao nhận, lập chứng từ... Người làm nghề Quản lý vận tải và dịch vụ logistics có thể tham gia vào chuỗi hoạt động logistics với các công việc liên quan như: hành chính logistics, giao nhận hàng hóa, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho.

Các công việc của nghề chủ yếu được thực hiện tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi, cảng; liên quan đến việc tuân thủ nhiều quy trình, quy định; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất; đảm bảo an toàn, an ninh. Cường độ làm việc cao, chịu áp lực lớn về thời gian và yêu cầu đảm bảo tiến độ thực hiện, phối hợp chặt chẽ với các bộ phận có liên quan. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ, cần phải đảm bảo các điều kiện làm việc thiết yếu như: các quy trình, quy định đầy đủ, rõ ràng; cơ sở vật chất tốt, ứng dụng công nghệ, phần mềm; cơ cấu tổ chức hiệu quả đảm bảo thông tin thông suốt. Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, xây dựng ý thức và sự say mê nghề nghiệp.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân thực hành trình độ cao đẳng ngành Quản lý vận tải và dịch vụ logistics có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có các kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kinh tế và quản trị; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý vận tải và dịch vụ logistics; có khả năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ logistics và vận tải.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý vận tải và dịch vụ logistics được trang bị những kiến thức sau đây:

- Xác định được nội dung và các quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động logistics;
- Cập nhật được các chính sách, quy định, quy tắc về logistics trong nước và quốc tế;
- Phân loại được các loại hình hoạt động logistics;
- Trình bày được quy trình bàn giao ca, sử dụng nhật ký công việc;
- Ứng dụng được những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công việc hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho;
- Trình bày được khái niệm cơ bản trong lĩnh vực logistics liên quan đến hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho;
- Phân tích được quy trình và cách thức thực hiện công việc trong hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho;
- Phân tích được đặc điểm, cách thức hoạt động của trang thiết bị, cơ sở vật chất trong logistics liên quan đến hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho;
- Mô tả được các loại hồ sơ/chứng từ trong hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho;
- Phân tích được các sự cố thường gặp trong hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng

- Ứng dụng được các quy tắc quốc tế (Incoterms, UCP,...) trong hoạt động logistics;
- Phát hiện và đề phòng được rủi ro và mối nguy hại về an toàn lao động, an ninh hàng hóa;
- Thực hiện được công tác bàn giao ca, sử dụng nhật ký công việc;
- Thực hiện các nghiệp vụ hành chính liên quan đến vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường biển...

- Sử dụng được các phần mềm phục vụ cho công việc hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho;
- Thực hiện được các quy trình trong hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho;
- Giải thích được sơ đồ kho, sơ đồ bố trí, sắp xếp hàng hóa;
- Thực hiện chất xếp, lưu trữ, bảo quản hàng hoá trong kho; tính toán hiệu quả kinh tế trong quản lý kho;
- Đọc và lập được các chứng từ sử dụng trong hành chính logistics, giao nhận, vận hành kho, giám sát kho;
- Khai báo hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu, áp dụng các kiến thức vận tải và dịch vụ logistics vào quy trình thực hiện một hợp đồng ngoại thương;
- Giải quyết được các sự cố thường gặp trong hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp, vận hành kho, giám sát kho;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có trách nhiệm công dân, chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước;
- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù, chịu khó và sáng tạo trong công việc;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo và tổ chức;
- Tự tin, chủ động trong xác định mục đích, yêu cầu công việc, cách thức thực hiện công việc;
- Tự đánh giá được kết quả công việc của bản thân và kết quả công việc của nhóm;
- Có khả năng thích nghi với những vấn đề phức tạp, trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Hành chính logistics;
- Giao nhận hàng hóa;
- Khai báo hải quan, kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Vận hành kho;
- Giám sát kho.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2055/85 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học: 28
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1620/66 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 691 giờ; thực hành, thực tập: 1364 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A2)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.

4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
7	NLCB-07	Năng lực thực hiện các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1	NLCL-01	Hiểu biết cơ bản được các yếu tố về môi trường kinh tế vi mô
2	NLCL-02	Quản trị và vận hành các hoạt động của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; hiểu biết về hành vi tổ chức và quản trị sự thay đổi
3	NLCL-03	Hiểu biết cơ bản về kế toán, tài chính
4	NLCL-04	Thực hiện được các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường ngoại hối
5	NLCL-05	Cập nhật các chính sách về thuế
6	NLCL-06	Tính, phân tích các chỉ tiêu tài chính doanh nghiệp

7	NLCL-07	Thực hiện được các quy trình trong giao nhận, xếp dỡ hàng hóa tổng hợp
8	NLCL-08	Giải thích được sơ đồ kho, sơ đồ bố trí, sắp xếp hàng hóa
9	NLCL-09	Đọc và lập được các chứng từ sử dụng trong hành chính logistics, giao nhận, vận hành kho, giám sát kho.
10	NLCL-10	Sử dụng được các phần mềm phục vụ cho công việc hành chính logistics, giao nhận, xếp dỡ hàng hóa, vận hành kho, giám sát kho.
11	NLCL-11	Thực hiện được công tác bàn giao ca, sử dụng nhật ký công việc
12	NLCL-12	Thực hiện chất xếp, lưu trữ, bảo quản hàng hoá trong kho
13	NLCL-13	Tính toán hiệu quả kinh tế trong quản lý kho;
14	NLCL-14	Thực hiện các nghiệp vụ hành chính liên quan đến vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường biển...
15	NLCL-15	Ứng dụng tiếng Anh vào chuyên ngành Logistics, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, và kỹ năng giao tiếp chuyên ngành
16	NLCL-16	Ứng dụng được các quy tắc quốc tế (Incoterms, UCP,...) trong hoạt động logistics
17	NLCL-17	Đánh giá, phân loại, sắp xếp, đóng gói hàng hoá và chuẩn bị các giấy tờ, chứng nhận liên quan phục vụ cho việc xuất nhập khẩu

18	NLCL-18	Phân tích qui trình xử lý đơn hàng và đề xuất các giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong qui trình đơn hàng
19	NLCL-19	Xử lý được các vấn đề về hoạt động bảo hiểm trong ngoại thương, logistics
20	NLCL-20	Khai báo hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu.
21	NLCL-21	Phân tích, phát hiện và giải quyết các vướng mắc tồn tại liên quan đến quy trình, thủ tục hải quan nay.
22	NLCL-22	Quản trị hoạt động logistics, chuỗi cung ứng.
III	Năng lực nâng cao	
1	NLNC-01	Hoàn thiện và phát triển kỹ năng giao tiếp bản thân, hội nhập quốc tế
2	NLNC-02	Xử lý được các vấn đề về hoạt động bảo hiểm trong ngoại thương
3	NLNC-03	Vận dụng những kiến thức đã học vào công việc doanh xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp doanh xuất nhập khẩu.
4	NLNC-04	Thu thập thông tin, lập kế hoạch về hoạt động doanh của doanh nghiệp
5	NLNC-05	Thiết lập hợp đồng trong từng phương thức vận tải, hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa.
IV	Năng lực bổ trợ	
	NLBT-01	Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng làm việc trong môi trường

	NLBT-02	Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh;
	NLBT-03	Có kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ;

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập /thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC113	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC114	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học chuyên môn					
II.1	Môn học cơ sở	19	330	221	90	19
CKD101	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	3
CKD102	Quản trị học	2	30	28	0	2
CKT201	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
CKD203	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
CNH305	Thuế	3	60	27	30	3

CLG201	Thanh toán quốc tế	3	45	42	0	3
CNH307	Tài chính doanh nghiệp	3	45	42	0	3
II.2	Môn học chuyên môn	41	1155	274	855	26
CLG401	Giao nhận hàng hóa	3	45	42	0	3
CLG404	Quản trị hàng tồn kho và bao bì	3	60	27	30	3
CLG301	Anh văn chuyên ngành	2	45	13	30	2
CLG305	Vận tải đa phương thức	3	45	42	0	3
CLG405	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	27	30	3
CTH306	Thương mại điện tử	2	45	13	30	2
CLG402	Nghiệp vụ khai báo hải quan	2	45	13	30	2
CLG306	Quản trị xử lý đơn hàng	3	45	42	0	3
CLG501	Quản trị Logistics và chuỗi cung	3	60	27	30	3
CLG503	Thương vụ vận tải	2	30	28	0	2
CLG506	Thực tập doanh nghiệp 1	5	225	0	225	0
CLG601	Thực tập doanh nghiệp 2	5	225	0	225	0
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
II.3	Môn học tự chọn, nâng cao	6	135	39	90	6
CLG401	Kỹ năng giao tiếp trong kinh	2	45	13	30	2
CLG302	Bảo hiểm hàng hóa	2	45	13	30	2
CLG403	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	45	13	30	2
CLG304	Tài chính - Tiền tệ	2	45	13	30	2
CLG303	Kinh doanh quốc tế	2	45	13	30	2
CKD501	Quản trị chất lượng	2	45	13	30	2
Tổng cộng:		85	2.055	691	1.290	74

7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	13	255	110	132	13
1	CMC113	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
2	CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	CMC114	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
4	CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
		Công tác xã hội	1	60	0	60	0
Tổng cộng			13	255	110	132	13

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	15	345	143	183	19
1	CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
2	CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
3	CKT201	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
4	CLG201	Thanh toán quốc tế	3	45	42	0	3
5	CNH305	Thuế	3	60	27	30	3
Tổng cộng			15	345	143	183	19

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	14	255	151	90	14
1	CNH307	Tài chính doanh nghiệp	3	45	42	0	3
2	CKD101	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	3
3	CLG402	Nghiệp vụ khai báo hải quan	2	45	13	30	2
4	CKD102	Quản trị học	2	30	28	0	2
5	CKD203	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
6	CLG301	Anh văn chuyên ngành	2	45	13	30	2
		Môn học tự chọn	2	45	13	30	2
7	CLG401	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	45	13	30	2
8	CLG304	Tài chính - Tiền tệ	2	45	13	30	2
Tổng cộng			16	300	164	120	16

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	12	210	138	60	12
1	CLG305	Vận tải đa phương thức	3	45	42	0	3
2	CLG401	Giao nhận hàng hóa	3	45	42	0	3
3	CLG404	Quản trị hàng tồn kho và bao bì	3	60	27	30	3

4	CLG405	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	27	30	3
		Môn học tự chọn	2	45	13	30	2
5	CLG302	Bảo hiểm hàng hóa	2	45	13	30	2
6	CLG303	Kinh doanh quốc tế	2	45	13	30	2
Tổng cộng			14	255	151	90	14

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	13	375	82	285	8
1	CLG306	Quản trị xử lý đơn hàng	3	45	42	0	3
2	CLG501	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	60	27	30	3
3	CTH306	Thương mại điện tử	2	45	13	30	2
4	CLG506	Thực tập doanh nghiệp 1	5	225	0	225	0
		Môn học tự chọn	2	45	13	30	2
5	CLG403	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	45	13	30	2
6	CKD501	Quản trị chất lượng	2	45	13	30	2
Tổng cộng			15	420	95	315	10

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	12	480	28	450	2
1	CLG503	Thương vụ vận tải	2	30	28	0	2
2	CLG601	Thực tập doanh nghiệp 2	5	225	0	225	0
3	CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng			12	480	28	450	2

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành

chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý vận tải và dịch vụ logistics trình độ Cao đẳng được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 85 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Các hoạt động xã hội, kỹ năng mềm được thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm: Tổ chức giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm trao đổi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hoạt động câu lạc bộ chuyên ngành, tham quan trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, tư vấn tuyển dụng làm việc,... được thực hiện vào đầu khóa học, giữa khóa và cuối khóa trước khi sinh viên tốt nghiệp; Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh thực hiện vào đan xen trong khóa học; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị,... do Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng với ngành/ngành được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

+ Trình độ: Cao đẳng

+ Danh hiệu: Cử nhân thực hành

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Long